

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/TLST- KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty cổ phần T.*

Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện M, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Tiến Q – SN 1981

Luật sư – Công ty TNHH một thành viên P

2. Ông Lê Huy C – SN 1995

Chuyên viên pháp lý – Công ty TNHH một thành viên P

Đều có địa chỉ: p1204, Tòa C, KĐT K – xã K, quận H, thành phố Hà nội

Theo văn bản ủy quyền số 36/UQTT/2017 ngày 28/9/2017 của ông Trần Văn T

- *Bị đơn: Công ty cổ phần I*

Địa chỉ: thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu H, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị T, sinh năm 1986 – chức vụ: Cán bộ công ty.

Địa chỉ: Tổ 57, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Theo văn bản ủy quyền số 010201/GUQ/IHB/18 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của bà Nguyễn Thu H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần I xác định Công ty cổ phần I còn nợ Công ty cổ phần Tsố tiền gốc là 3.227.869.000đồng và số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 15/8/2012 đến ngày 15/9/2017 là 1.807.405.158đồng.

- Công ty cổ phần T chỉ yêu cầu Công ty cổ phần I có trách nhiệm trả số tiền **2.009.901.000đ**(Hai tỷ, không trăm lẻ chín triệu, chín trăm linh một nghìn đồng) theo lộ trình trả nợ như sau:

+ Công ty cổ phần I sẽ thanh toán số tiền **1.009.901.000đ**(Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng) theo lộ trình thanh toán sau:

. Chậm nhất đến 31/03/2018 trả số tiền: **109.901.000đ**

. Chậm nhất đến 30/4/2018 trả số tiền: **200.000.000đ**

. Chậm nhất đến 31/05/2018 trả số tiền: **300.000.000đ**

. Chậm nhất đến 30/6/2018 trả số tiền: **400.000.000đ**

+ Nếu Công ty cổ phần I thanh toán số tiền **1.009.901.000đ** (Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng) đầy đủ và theo đúng lộ trình trên, Công ty Cổ phần Tsẽ thực hiện miễn giảm số tiền nợ gốc là **1.217.968.000đ** (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và toàn bộ số tiền lãi cho Công ty cổ phần I; đồng thời đồng ý để Công ty cổ phần I thanh toán số tiền nợ gốc **1.000.000.000đ** (Một tỷ đồng) còn lại khi Công ty cổ phần I đã ổn định sản xuất.

+ Việc miễn giảm số tiền nợ gốc là **1.217.968.000đ** (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và toàn bộ số tiền lãi cho Công ty cổ phần I; đồng thời gia hạn thời hạn thanh toán đối với số tiền nợ gốc **1.000.000.000đ** (Một tỷ đồng) tới khi Công ty cổ phần Inox Hòa Bình đã ổn định sản xuất chỉ có hiệu lực pháp lý sau khi Công ty Cổ phần T nhận được số tiền **1.009.901.000đ** (Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng) trước ngày 30/6/2018 và việc thanh toán theo đúng lộ trình trên. Trong trường hợp Công ty cổ phần Ivi phạm cam kết, không thanh toán được số tiền **1.009.901.000đ** (Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng) trước ngày 30/6/2018 hay vi phạm bất kỳ một lần thanh toán nào, Công ty Cổ phần T sẽ không miễn giảm bất kỳ khoản tiền nào hay gia hạn thời hạn thanh toán cho Công ty cổ phần I và Công ty cổ phần I phải trả cho Công ty cổ phần T toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/09/2017 là: **1.807.405.158đ** (Một tỷ, tám trăm linh bảy triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, một trăm năm mươi tám đồng).

Đến thời hạn trả nợ, kể từ ngày Công ty Cổ phần T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần I không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần T thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí Công ty cổ phần I tự nguyện chịu 36.099.000đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả Công ty cổ phần T số tiền 56.517.000đ (năm mươi sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 011877 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mỹ
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hoàng Hữu Tăng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

